

ĐỀ LÀN 1

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNGĐỀ THI CUỐI KỲ
HỌC PHẦN THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG
Học kỳ 2, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Thẩm định tín dụng	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC40183	Mã nhóm lớp học phần: 232_71FINC40183_01,02,04,05
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân tích nguyên tắc, quy trình, nội dung thẩm định hồ sơ pháp lý, dự án phương án vay vốn, tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng	Trắc nghiệm	40%	Câu 1 đến câu 10	4	PLO3.M
CLO 2	Đề xuất giải pháp tín dụng dựa trên kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, dự án phương án vay vốn, tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.	Tự luận	40%	Câu 16 Câu 17	4	PLO4.M
CLO 5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, ý thức pháp luật	Trắc nghiệm	20%	Câu 11 đến câu 15	2	PLO9.M

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết

thức học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1).

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Thẩm định tín dụng	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC40183	Mã nhóm lớp học phần: 232_71FINC40183_01,02,03,04,05
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm, mỗi câu đúng được 0,4đ)

Câu 1: Đối với cho vay khách hàng doanh nghiệp, ngân hàng dựa vào hồ sơ nào để biết vốn điều lệ của công ty?

- A. Giấy phép đăng ký kinh doanh
- B. Hợp đồng đầu ra /đầu vào của công ty
- C. Sao kê tài khoản công ty
- D. Hợp đồng tín dụng

ANSWER: A

Câu 2: Khi thẩm định tài chính của khách hàng doanh nghiệp, dấu hiệu nào nhận biết doanh nghiệp sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản cố định?

- A. Giá trị TSCĐ của doanh nghiệp lớn hơn nợ dài hạn + nguồn vốn chủ sở hữu
- B. Giá trị TSCĐ của doanh nghiệp lớn hơn nợ vay dài hạn
- C. Giá trị TSCĐ của doanh nghiệp nhỏ hơn nợ vay ngắn hạn
- D. Giá trị TSCĐ của doanh nghiệp lớn hơn giá trị tài sản lưu động + đầu tư ngắn hạn

ANSWER: A

Câu 3: Hệ số thanh toán nhanh được tính bằng công thức nào?

- A. (Tài sản lưu động - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn
- B. Tài sản lưu động/nợ ngắn hạn
- C. Tiền và các khoản tương đương tiền/nợ ngắn hạn
- D. Không có ý nào đúng

ANSWER: A

Câu 4: Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân:

- A. Là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự, từ khi sinh ra đến khi chết đi.

- B. Là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự, từ khi đủ 18 tuổi đến khi chết đi.
- C. Là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự, từ khi đủ 15 tuổi.
- D. Là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự, từ khi đủ 6 tuổi.

ANSWER: A

Câu 5: Mô hình thẩm định 5C?

- A. Character, Capacity, Capital, Collateral, Condition
- B. Character, Income, Capital, Collateral, Condition
- C. Character, Capacity, Capital, Collateral, Cash
- D. Character, Capacity, Capital, Collateral, Competitor

ANSWER: A

Câu 6: Thẩm quyền đại diện ký kết hợp đồng vay vốn của khách hàng doanh nghiệp thuộc về ai?

- A. Người đại diện theo pháp luật
- B. Hội đồng quản trị
- C. Tổng giám đốc
- D. Hội đồng thành viên

ANSWER: A

Câu 7: Biện pháp nào sau đây ngân hàng sử dụng để đảm bảo khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích?

- A. Tất cả các phương án trên.
- B. Thực hiện thẩm định tín dụng chặt chẽ và yêu cầu tài liệu đầy đủ, hợp pháp.
- C. Giải ngân bằng cách chuyển trả trực tiếp cho nhà cung cấp.
- D. Thực hiện giám sát, đánh giá, bổ sung chứng từ và kiểm tra thực tế sau khi vay.

ANSWER: A

Câu 8: Khi khách hàng vay bổ sung vốn lưu động SXKD, ngân hàng xác định “Thời gian thiếu hụt nguồn tài chính của khách hàng” khi xác định nhu cầu vốn lưu động theo công thức nào sau đây:

- A. Thời gian dự trữ tiền mặt + Thời gian thu hồi các khoản phải thu + Thời gian dự trữ hàng tồn kho – Thời gian thanh toán các khoản phải trả
- B. Thời gian dự trữ tiền mặt + Thời gian các khoản phải thu + Thời gian dự trữ hàng tồn kho
- C. Thời gian các khoản phải thu + Thời gian dự trữ hàng tồn kho - Thời gian dự trữ tiền mặt
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 9: Căn cứ để ngân hàng xác định thời gian cho vay sản xuất kinh doanh?

- A. Chu kỳ sản xuất kinh doanh, phương án sử dụng vốn, khả năng trả nợ của khách hàng
- B. Giới hạn cấp tín dụng của ngân hàng, tình trạng pháp lý của khách hàng
- C. Giá trị tài sản đảm bảo, phương án kinh doanh, uy tín của doanh nghiệp

D. Giấy đề nghị vay vốn, loại hình doanh nghiệp, thu nhập của khách hàng

ANSWER: A

Câu 10: Đánh giá tính hợp pháp của nguồn thu nhập của khách hàng cá nhân từ cho thuê nhà là:

A. Khách hàng là chủ sở hữu của tài sản và trên hợp đồng cho thuê khách hàng là chủ thể được hưởng tiền cho thuê.

B. Khách hàng không nhất thiết là chủ sở hữu của tài sản. Chỉ cần chủ tài sản (là người thân khách hàng) xác nhận cá nhân bằng văn bản xác nhận khách hàng sẽ là chủ thể được hưởng tiền cho thuê.

C. Khách hàng là chủ sở hữu của tài sản nhưng trên hợp đồng cho thuê khách hàng không phải là chủ thể được hưởng tiền cho thuê.

D. Khách hàng là chủ sở hữu của tài sản.

ANSWER: A

Câu 11: Đối với phương án vay bổ sung vốn lưu động, ngân hàng xác định Nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp gồm:

A. (Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn) + Các khoản quỹ + Lợi nhuận chưa phân phối + Các khoản vay ngắn hạn tại TCTD khác.

B. Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn.

C. (Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn) + các khoản quỹ.

D. (Tài sản ngắn hạn – Nợ ngắn hạn) + Các khoản quỹ + Lợi nhuận chưa phân phối.

ANSWER: A

Câu 12: Cơ sở thẩm định giá bất động sản

A. Tình trạng pháp lý và đặc điểm khảo sát thực tế của BĐS.

B. Tham khảo giá chuyên nhượng trên hợp đồng mua bán qua công chứng.

C. Số tiền cấp tín dụng.

D. Tất cả đáp án trên.

ANSWER: A

Câu 13: Đối với khoản vay có tài sản đảm bảo là bất động sản, ngân hàng phải làm thủ tục pháp lý nào sau đây trước khi giải ngân?

A. Công chứng hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch đảm bảo.

B. Ngân hàng và người vay chỉ cần ký kết và đóng dấu vào hợp đồng thế chấp.

C. Chỉ cần công chứng hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng.

D. Làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản cho ngân hàng.

ANSWER: A

Câu 14: Ngân hàng cần lưu ý các yếu tố nào khi thẩm định phương án vay vốn của khách hàng?

A. Đánh giá tính khả thi, hiệu quả tài chính, mục đích vay, rủi ro của phương án vay

B. Xem xét lịch sử vay vốn của khách hàng.

C. Xem xét hệ số tài chính và thời gian vay.

D. Đánh giá độ nghiêm ngặt của luật pháp

ANSWER: A

Câu 15: Chỉ số nào đo lường mức độ hiệu quả của việc quản lý tài sản của doanh nghiệp?

A. ROA

B. ROE

C. ROS

D. Không có đáp án nào đúng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 16: (2,5 điểm): Ông Long đến NH-A đề nghị vay vốn với các thông tin như sau:

- Số tiền cần vay: 3 tỷ
- Thời gian đề nghị vay: 36 tháng, trả gốc và lãi định kỳ hàng tháng.
- Mục đích vay: mua căn hộ chung cư Kingston Residence, giá trị chuyển nhượng là 4 tỷ đồng.
- Tài sản đảm bảo cho khoản vay là mảnh đất tọa lạc tại Phan Văn Trị, quận Gò Vấp, giá trị do NH-A định giá là 5 tỷ đồng.

Ông Long hiện đang là giám đốc của tập đoàn Hưng Thịnh, thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 60 triệu đồng/tháng. Bà Hương vợ ông Long kinh doanh cửa hàng ăn uống, thu nhập bình quân mỗi tháng 40 triệu đồng. Căn hộ chung cư Kingston Residence khách hàng mới mua đang cho thuê ổn định 20 triệu/tháng. Gia đình có một con học trường tiểu học quốc tế chi phí 20 triệu đồng/tháng, chi phí sinh hoạt gia đình 30 triệu/tháng.

Điều kiện cho vay của NH-A như sau:

- Đối với tài sản đảm bảo là nhà đất, NH-A cho vay tối đa 65% trên giá trị định giá.
- Với nhu cầu vay mua căn hộ chung cư, NH-A yêu cầu khách hàng phải có vốn tự có là 30%.
- Lãi suất NH-A cho vay là 12%/năm tính trên số dư ban đầu

Yêu cầu:

- Hãy liệt kê 5 giấy tờ trong hồ sơ phương án vay vốn của khoản vay này? (1đ)
- Khi thẩm định hồ sơ vay, ngân hàng có đồng ý đề xuất của ông Long vay số tiền 3 tỷ đồng không? Vì sao? (0,5đ)
- Giả sử NH-A cho ông Long vay với số tiền tối đa mà ngân hàng có thể cho vay, ngân hàng có đồng ý lời đề nghị của ông Long là vay số tiền đó với thời gian 36 tháng không? Vì sao? (1đ)

Câu 17: (1,5 điểm):

a) Hãy nêu các bước trong quy trình thẩm định tín dụng? (0,5đ) nêu mục đích của từng bước? (0,5đ)

b) Theo quan điểm của bạn, bước nào là quan trọng nhất? Vì sao? (0,5đ)

Đáp án:

Câu 16:

a) SV liệt kê 5 giấy tờ, mỗi giấy tờ đúng được 0,2 điểm.

b) Ngân hàng cho vay số tiền tối đa:

$$- 5 \text{ tỷ} \times 65\% = 3,25 \text{ tỷ đồng (0,2 đ)}$$

$$- 4 \text{ tỷ} \times 70\% = 2,8 \text{ tỷ đồng (0,2 đ)}$$

=> Ngân hàng cho vay số tiền tối đa là 2,8 tỷ đồng, do đó sẽ không đồng ý lời đề nghị vay 3 tỷ của ông Long. (0,1đ)

c) Thu nhập hàng tháng của gia đình: $60 + 40 + 20 = 120$ triệu đồng (0,1)

Chi phí hàng tháng của gia đình: $20 + 30 = 50$ triệu đồng (0,1)

Nguồn thu nhập sẵn sàng trả nợ cho NH: $120 - 50 = 70$ triệu đồng (0,1đ)

Số tiền lãi phải trả: $2,8 \text{ tỷ} \times 12\%/12 = 28$ triệu đồng (0,2đ)

Số tiền gốc trả mỗi tháng: $70 - 28 = 42$ triệu đồng (0,2đ)

Thời gian vay ngắn nhất: $2,8 \text{ tỷ}/42 \text{ triệu} = 67$ tháng (0,2đ)

Không đồng ý cho ông Long vay 36 tháng như lời đề nghị vì sẽ ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của khách hàng (0,1đ) (Sinh viên có thể làm tắt, đáp án đúng được ghi nhận điểm)

Câu 17:

a) Các bước trong quy trình thẩm định tín dụng (0,5đ), mục đích của từng bước (0,5đ)

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ xin cấp tín dụng: Tìm hiểu sơ bộ về thông tin khách hàng, hướng dẫn khách hàng nộp hồ sơ vay vốn đầy đủ, đúng quy định.

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ tín dụng và thu thập thông tin: Rà soát lại hồ sơ khách hàng về tính đầy đủ và hợp lệ, thu thập thêm các thông tin khác ngoài thông tin khách hàng đã cung cấp.

Bước 3: Thẩm định tín dụng: đánh giá tổng thể khả năng trả nợ của khách hàng dựa trên thông tin thu thập được và các tiêu chí đánh giá tín dụng của ngân hàng, đưa ra đánh giá về mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng.

Bước 4: Lập tờ trình thẩm định: trình bày kết quả thẩm định và đề xuất quyết định cấp tín dụng.

Bước 5: Xét duyệt cấp tín dụng: xem xét và quyết định của cấp quản lý về việc cấp tín

dụng cho khách hàng.

b) Sinh viên nêu được quan điểm một cách phù hợp (0,5đ)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



TS. MAI THỊ PHƯƠNG THÙY



THS. PHẠM THỊ NGỌC LAN